

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2017/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định về xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy;

Xét Tờ trình số 4962 /TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực; Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3003/STP-VB ngày 07 tháng 4 năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 694 /BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Áp dụng đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực; kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có hoạt động sản xuất, kinh doanh, công trình công cộng, trụ sở làm việc, khu chung cư, công trình độc lập khác theo danh mục do Chính phủ quy định.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tuân thủ việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định về phòng cháy và chữa cháy tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Các giải pháp cải tạo, bổ sung nhằm tăng cường điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy, phù hợp với thực tế cơ sở.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài, hạn chế việc gián đoạn kinh doanh, sản xuất của cơ sở. Đảm bảo thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy theo hướng ổn định, phát triển phù hợp với quy hoạch.

3. Phương án di chuyển các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người phải phù hợp quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phù hợp với quy hoạch xây dựng, phát triển thành phố.

Điều 4. Quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực như sau:

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ trì phối hợp Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố và các Sở, ban, ngành thành phố tổ chức tổng kiểm tra, khảo sát, thống kê, lập danh sách, phân loại đánh giá các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực.

2. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các giải pháp khắc phục đối với từng nội dung không đảm bảo an toàn

phòng cháy và chữa cháy, cụ thể như:

a) Khoảng cách phòng cháy chống cháy, giải pháp ngăn cháy áp dụng giải pháp sau:

- Xây tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa chống cháy.
- Thực hiện giải pháp vùng ngăn cháy.
- Giảm thiểu số lượng chất hàng nguy hiểm cháy, nổ.
- Sắp xếp hàng hóa tạo khoảng cách an toàn đến khu vực có nguồn nhiệt, nguồn lửa, thiết bị điện.
- Lắp đặt màn nước ngăn cháy.

Các giải pháp nêu trên phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Lối thoát nạn áp dụng giải pháp sau:

- Bổ sung thêm lối ra thoát nạn đảm bảo số lượng theo quy định QCVN 06:2010/BXD.
- Bổ sung lối thoát nạn khẩn cấp; lối đi sang các công trình liền kề, có cùng độ cao;
- Trang bị thiết bị phục vụ thoát nạn như: thang dây, thang móc, ròng rọc, ống tụt.

Các giải pháp nêu trên phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Giao thông phục vụ chữa cháy áp dụng giải pháp sau: Đảm bảo bố trí ít nhất 01 lối cho xe chữa cháy hoặc lực lượng chữa cháy tiếp cận để triển khai lực lượng, phương tiện và tổ chức chữa cháy tại điểm xa nhất của công trình.

Giải pháp nêu trên phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

d) Hệ thống phòng cháy và chữa cháy áp dụng giải pháp sau: Trang bị phương tiện và lắp đặt bổ sung các hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Các phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy khi trang bị, lắp đặt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Đối với các cơ sở không có khả năng thực hiện điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy, Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cơ sở tự nguyện thay đổi tính chất sử dụng công trình.

4. Đối với các cơ sở không tổ chức thực hiện, thực hiện không đầy đủ, hoặc đã bị khiếu nại, khiếu kiện về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy từ hai lần trở lên mà vẫn không khắc phục, Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 5. Cơ sở thuộc loại hình kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người bắt buộc phải có phương án di chuyển, bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy chống cháy theo quy định của Điều 63a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy.

a) Danh mục cơ sở thuộc loại hình kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm cháy, nổ bao gồm các cơ sở quy định từ Khoản 12 đến Khoản 14 và từ Khoản 17 đến Khoản 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

b) Chủ cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án di chuyển khi không đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy chống cháy theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy và chữa cháy và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc di chuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Trong thời gian chờ di chuyển yêu cầu cơ sở phải giảm trữ lượng, khối lượng tồn chứa chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ; trang bị bổ sung phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy và hệ thống kỹ thuật liên quan về phòng cháy và chữa cháy nhằm tăng cường điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 6. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 7. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không thực hiện quy định của Luật Phòng cháy và Chữa cháy.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

PHỤ LỤC 1**Yêu cầu kỹ thuật đối với các giải pháp khắc phục nội dung không đảm bảo quy định về khoảng cách phòng cháy chống cháy, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan***(Đính kèm Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***1. Đối với nhà ở, công trình công cộng và nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp: Khoảng cách phòng cháy chống cháy quy định tại Bảng E1 QCVN 06:2010/BXD:**

Bảng E1

Bậc chịu lửa của ngôi nhà thứ nhất	Khoảng cách (m) đến ngôi nhà thứ hai có bậc chịu lửa		
	I, II	III	IV, V
I, II	6	8	10
III	8	8	10
IV, V	10	10	15

Chú thích:

a. Khoảng cách phòng cháy chống cháy: Khoảng cách giữa các ngôi nhà và công trình là khoảng cách thông thủy giữa các bức tường hoặc các kết cấu bên ngoài của chúng. Trong trường hợp các kết cấu của ngôi nhà hoặc công trình làm bằng những vật liệu cháy lòi ra hơn 1m thì phải lấy khoảng cách giữa các kết cấu này.

b. Khoảng cách giữa các bức tường không có lỗ cửa sổ cho phép lấy nhỏ hơn 20% ngoại trừ các ngôi nhà có bậc chịu lửa IV và V.

c. Đối với các nhà 2 tầng có kết cấu khung và tẩm với bậc chịu lửa V, cũng như các nhà được lợp bằng vật liệu cháy thì khoảng cách phòng cháy, chống cháy cần phải tăng thêm 20%.

d. Khoảng cách giữa các ngôi nhà có bậc chịu lửa I và II được phép nhỏ hơn 6 m, nếu các bức tường của ngôi nhà cao hơn năm đối diện với ngôi nhà khác là các tường ngăn cháy.

e. Không quy định khoảng cách giữa các nhà ở, cũng như giữa các nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt khác khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H, nhà nhóm F.1, F.2).

2. Đối với các nhà và công trình công nghiệp: Khoảng cách phòng cháy chống cháy quy định tại Bảng E2 QCVN 06:2010/BXD:

Bảng E2

Bậc chịu lửa của ngôi nhà thứ nhất	Khoảng cách (m) đến ngôi nhà thứ hai có bậc chịu lửa		
	I, II	III	IV, V
I, II	- Đối với các nhà và công trình thuộc hạng sản xuất D và E: không quy định. - Đối với nhà và công trình thuộc hạng sản xuất A, B và C: 9m (xem thêm Chú thích 3).	9	12
III	9	12	15
IV và V	12	15	18

Chú thích:

a. Khoảng cách nhỏ nhất giữa các ngôi nhà và công trình là khoảng cách thông thủy giữa các bức tường hoặc kết cấu bên ngoài của chúng. Trong trường hợp ngôi nhà hoặc công trình có phần kết cấu làm bằng những vật liệu cháy lồi ra hơn 1m thì khoảng cách nhỏ nhất phải lấy là khoảng cách giữa các kết cấu này.

b. Không quy định khoảng cách giữa các ngôi nhà sản xuất và công trình công nghiệp trong những trường hợp sau:

- Nếu tổng diện tích mặt sàn của từ 2 ngôi nhà trở lên có bậc chịu lửa III, IV không vượt quá diện tích cho phép tầng lớn nhất trong phạm vi một khoang cháy (Phụ lục H);

- Nếu như tường của ngôi nhà hay công trình cao hơn hoặc rộng hơn, quay về phía một công trình khác là bức tường ngăn cháy;

- Nếu các ngôi nhà và công trình có bậc chịu lửa III không phụ thuộc vào độ nguy hiểm cháy theo hạng sản xuất của chúng có các bức tường đứng đối diện là tường đặc hoặc tường có lỗ được xây kín bằng gạch block kính (hoặc kính có cốt) với giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn 1 giờ.

c. Khoảng cách đã cho đối với những ngôi nhà và công trình có bậc chịu lửa I, II, thuộc hạng sản xuất A, B, C, được giảm từ 9m xuống còn 6m khi đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Ngôi nhà và công trình được trang bị hệ thống chữa cháy tự động;

- Tải trọng riêng làm bằng các chất cháy trong các ngôi nhà thuộc hạng sản xuất C nhỏ hơn hoặc bằng 10 kg tính trên $1m^2$ diện tích tầng.

3. Các trường hợp khoảng cách phòng cháy chống cháy được lấy nhỏ hơn quy định:

a) Khoảng cách phòng cháy chống cháy của ngôi nhà được xác định trong trường hợp này là khoảng cách từ ngôi nhà đến đường ranh giới khu đất của ngôi nhà (không phải khoảng cách đến một ngôi nhà khác ở khu đất bên cạnh);

Chú thích: Đường ranh giới khu đất của ngôi nhà có thể là đường nằm trùng hoặc song song với một cạnh của ngôi nhà hoặc hợp với một cạnh của ngôi nhà một góc nhỏ hơn 80° .

b) Cho phép tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà trong phạm vi từ 0 mét đến nhỏ hơn 1,0 m; với các điều kiện sau:

+ Tường ngoài phải là tường ngăn cháy loại 1 (REI 150) đối với nhà có bậc chịu lửa I và II; và là tường ngăn cháy loại 2 (REI 60) đối với nhà có bậc chịu lửa III và IV;

+ Bề mặt ngoài của tường ngoài không được sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy cao hơn các nhóm Ch1 và LT1.

c) Nếu tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà một khoảng lớn hơn 1,0 m thì cho phép bố trí, cấu tạo một số phần diện tích của bề mặt tường ngoài có tính chịu lửa thấp hơn yêu cầu đối với một tường ngăn cháy và được gọi là phần diện tích không được bảo vệ chống cháy của tường. Diện tích cho phép lớn nhất của phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài được quy định phụ thuộc vào khoảng cách của tường ngoài đó đến đường ranh giới khu đất của nhà, và được cho trong Bảng E3.

Chú thích: Phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài thường là các phần sau:

- Các cửa (cửa đi, cửa sổ,...) không đáp ứng yêu cầu là các cửa ngăn cháy trong tường ngăn cháy;

- Các phần tường có giới hạn chịu lửa thấp hơn giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy tương ứng;

- Các phần tường mà bề mặt ngoài có sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch2 và LT2.

Bảng E3

Khoảng cách nhỏ nhất giữa mặt bên của ngôi nhà tới đường ranh giới khu đất (m)		Tỷ lệ % diện tích lớn nhất của các vùng bề mặt không được bảo vệ chống cháy so với tổng diện tích bề mặt tường đối diện với ranh giới khu đất
Nhà ở, công trình công cộng, nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp	Nhà và công trình công nghiệp, nhà kho	
1,0	1,0	4,0
1,5	2,0	8,0
3,0	4,0	20,0
6,0	8,0	40,0

Chú thích:

a. Khi tính toán xác định diện tích lớn nhất của bề mặt không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài, có thể bỏ qua không tính các vùng sau:

- Vùng có diện tích nhỏ hơn 1m² và khoảng cách đến bất kỳ một vùng không được bảo vệ chống cháy khác phải không nhỏ hơn 4m;

- Vùng không được bảo vệ chống cháy có diện tích nhỏ hơn 0,1m² và khoảng cách đến bất kỳ một vùng không được bảo vệ chống cháy khác phải không nhỏ hơn 1,5m;

- Vùng tường ngoài của một cầu thang bộ có buồng thang và các tường bên trong của buồng thang đảm bảo yêu cầu ngăn cháy tương ứng với bậc chịu lửa của nhà;

- Vùng bề mặt ngoài của tường ngoài có sử dụng vật liệu với tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch2 và LT2 thì diện tích không được bảo vệ chống cháy được lấy bằng 1/2 diện tích của vùng đó.

b. Các giá trị trung gian có thể xác định bằng cách nội suy.

4. Khi khoảng cách phòng cháy chống cháy, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan không đảm bảo, thực hiện các giải pháp sau:

a. Xây tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa chống cháy

Bảng 1 - Phân loại bộ phận ngăn cháy

Bộ phận ngăn cháy	Loại bộ phận ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy, không nhỏ hơn	Loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy, không thấp hơn	Loại khoang đệm ngăn cháy, không thấp hơn
Tường ngăn cháy	1	REI 150	1	1
	2	REI 60	2	2
Vách ngăn cháy	1	EI 45	2	1
	2	EI 15	3	2
Sàn ngăn cháy	1	REI 150	1	1
	2	REI 60	2	1
	3	REI 45	2	1
	4	REI 15	3	2

Chú thích: Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện nêu trên được sử dụng danh định tại Phụ lục F QCVN 06:2010/BXD

Giới hạn chịu lửa của các loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2

Cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy	Loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa, không nhỏ hơn
Cửa đi, cổng, cửa nắp, van	1	EI 70
	2	EI 45*
	3	EI 15
Cửa sổ	1	E 70
	2	E 45
	3	E 15
Màn chắn	1	EI 70

Chú thích của (*): Giới hạn chịu lửa của cửa trong giếng thang máy được phép lấy không nhỏ hơn E 45.

Giới hạn chịu lửa của các bộ phận của khoang đệm ngăn cháy (vách, sàn, cửa và van ngăn cháy) ở cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy phải phù hợp quy định tại Bảng 3.

Bảng 3

Loại khoang đệm ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa của các bộ phận của khoang đệm, không nhỏ hơn		
	Vách ngăn của khoang đệm	Sàn của khoang đệm	Cửa và van ngăn cháy của khoang đệm
1	EI 45	REI 45	EI 30
2	EI 15	REI 15	EI 15

b. Vùng ngăn cháy: Trong mọi trường hợp cho phép thay đổi tường ngăn cháy bằng vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Vùng ngăn cháy là khoảng đệm chia ngôi nhà theo suốt chiều rộng (chiều dài) và chiều cao.

- Các phòng trong vùng ngăn cháy không được sử dụng hay bảo quản các chất khí, chất lỏng và vật liệu dễ cháy cũng như các quá trình tạo ra bụi dễ cháy. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải đảm bảo:

- + 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác
- + 15 phút đối với vách ngăn
- + 150 phút đối với cột
- + 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

Chú thích: Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V không sử dụng bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 6m.

- Trên ranh giới vùng ngăn cháy với các khu vực khác phải có tường ngăn cháy với giới hạn chịu lửa không ít hơn 45 phút và các tấm ngăn thẳng đứng bằng vật liệu không cháy trong giới hạn chiều cao của các kết cấu chịu lực của mái nhưng không nhỏ hơn 1,5m.

- Các giải pháp kết cấu của vùng ngăn cháy ở các công trình theo thiết kế, phải đảm bảo các chức năng của vùng ngăn cháy khi các kết cấu nối với nó bị phá hủy một phía do cháy.

c. Giảm thiểu số lượng chất hàng nguy hiểm cháy, nổ.

d. Sắp xếp hàng hóa tạo khoảng cách an toàn đến khu vực có nguồn nhiệt, nguồn lửa, thiết bị điện.

e. Màn nước ngăn cháy: nếu không thể bố trí được các tường ngăn cháy thì cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng thiết bị tạo màn nước Drencher bố trí thành 2 dải cách nhau 0,5m và với cường độ phun không nhỏ hơn 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 1 giờ./.

PHỤ LỤC 2**Yêu cầu kỹ thuật đối với các giải pháp khác phục nội dung không đảm bảo quy định về lối thoát nạn**

(Đính kèm Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Về lối thoát nạn của các gian phòng: Điều 3.2.5 của QCVN 06:2010/BXD quy định đối với các gian phòng bắt buộc phải có không ít hơn 02 lối thoát nạn. Các trường hợp có thể vận dụng ít hơn 2 lối bao gồm:

- Các gian phòng nhóm F 1.1 có mặt đồng thời không lớn hơn 10 người.

- Các gian phòng trong tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời từ 6 đến 15 người thì có 01 lối ra thoát nạn và phải có 01 lối ra khẩn cấp tuân theo yêu cầu của mục d Điều 3.2.13 của QCVN 06:2010/BXD.

- Các gian phòng có mặt đồng thời không lớn hơn 50 người (trừ những trường hợp đã có quy định riêng).

- Các gian phòng nhóm F 5 hạng A hoặc B có số người làm việc trong ca đồng nhất không lớn hơn 5 người, hạng C - không lớn hơn 25 người hoặc có diện tích không lớn hơn 1.000 m².

- Các sàn công tác hờ hoặc các sàn dành cho người vận hành và bảo dưỡng thiết bị trong các gian phòng nhóm F 5 hạng A hoặc B có diện tích không lớn hơn 100 m² và các hạng khác có diện tích không lớn hơn 400 m².

Các căn hộ được bố trí ở cả hai tầng (2 cao trình - thường gọi là căn hộ thông tầng), khi chiều cao bố trí của tầng phía trên lớn hơn 18 m thì phải có các lối ra thoát nạn từ mỗi tầng. Trường hợp, các tầng phía trên của căn hộ bố trí không lớn hơn 18 m thì cho phép có 01 lối thoát nạn tại tầng dưới của căn hộ. Tuy nhiên, phải tuân thủ quy định đối với căn hộ ở độ cao lớn hơn 15 m phải có lối ra khẩn cấp (3.2.13 QCVN 06:2010/BXD).

2. Về lối thoát nạn từ các tầng của ngôi nhà: Điều 3.2.6, Điều 3.2.7 của QCVN 06:2010/BXD quy định các tầng nhà thuộc nhóm nhà F 1.1; F 1.2; F 2.1; F 2.2; F 3; F 4 và các tầng có gian phòng có yêu cầu số lối ra thoát nạn không ít hơn 2 thì bắt buộc phải có 02 lối thoát nạn. Các trường hợp có thể vận dụng cho phép có 01 lối thoát nạn (01 cầu thang thoát nạn) từ mỗi tầng:

- Các tầng của nhà ở nhiều căn hộ F 1.3 có diện tích của mỗi tầng nhỏ hơn 500

m² khi các căn hộ có độ cao lớn hơn 15 m thì từ mỗi căn hộ phải có một lối ra khẩn cấp. Lối ra khẩn cấp được quy định tại Điều 3.2.13 QCVN 06:2010/BXD

- Tầng hầm và tầng nửa hầm khi có diện tích không lớn hơn 300 m² hoặc số người có mặt đồng thời không lớn hơn 15 người.

- Các tầng của khách sạn, ký túc xá, khối nhà ngủ của cơ sở điều dưỡng, nhà nghỉ, nhà trọ, nhà an dưỡng (F 1.2) nhà văn hóa, thể thao đại chúng (F 2), trụ sở cơ quan, văn phòng (F 4.3) có chiều cao không quá 15m với diện tích của mỗi tầng không lớn hơn 300m² và số người không lớn hơn 20 người và cầu thang bộ thoát nạn là buồng thang kín, cửa đi là cửa ngăn cháy loại 2. Cần lưu ý trường hợp này cũng có thể vận dụng cho loại nhà ống mặt phố thường có tầng trên để ở, tầng trệt thường là cửa hàng hoặc để xe ô tô, xe máy, nếu buồng thang không thể bố trí ở mặt trước nhà mà bố trí ở giữa hoặc ở sau phòng ngoài. Khi đó lối ra thoát nạn từ buồng thang phải được cách ly với các phòng này bằng một hành lang chống cháy.

3. Về lối thoát nạn của ngôi nhà: Điều 3.2.7 của QCVN 06:2010/BXD quy định số lối thoát nạn của nhà không được ít hơn số lối thoát nạn từ bất kỳ tầng nào của ngôi nhà đó. Ngoài ra, các lối ra thoát nạn và đường thoát nạn bên trong nhà (đặc biệt là trường hợp có 01 lối thoát nạn) phải đảm bảo yêu cầu về chiếu sáng, chống cháy, chống khói và các yêu cầu an toàn khác như quy định của QCVN 06:2010/BXD.

4. Về lối ra khẩn cấp:

Các lối ra không thoả mãn các yêu cầu đối với lối ra thoát nạn có thể được xem là lối ra khẩn cấp để tăng thêm mức độ an toàn cho người khi có cháy. Các lối ra khẩn cấp không được đưa vào tính toán thoát nạn khi cháy. Ngoài ra, các lối ra khẩn cấp còn gồm có:

a) Lối ra ban công hoặc lôgia, mà ở đó có khoảng tường đặc với chiều rộng không nhỏ hơn 1,2 m tính từ mép ban công (lôgia) tới ô cửa sổ (hay cửa đi lắp kính) hoặc không nhỏ hơn 1,6 m giữa các ô cửa kính mở ra ban công (lôgia);

b) Lối ra dẫn vào một lối đi chuyển tiếp hở (cầu vượt) dẫn tiếp đến một đơn nguyên liền kề của nhà nhóm F 1.3 hoặc đến một khoang cháy liền kề. Lối đi chuyển tiếp này phải có chiều rộng không nhỏ hơn 0,6 m;

c) Lối ra ban công hoặc lôgia, mà ở đó có trang bị thang bên ngoài nối các ban công hoặc lôgia theo từng tầng;

d) Lối ra bên ngoài trực tiếp từ các gian phòng có cao trình sàn hoàn thiện không thấp hơn âm 4,5 m và không cao hơn 5,0 m qua cửa sổ hoặc cửa đi có kích thước

không nhỏ hơn 0,75 m x 1,5 m, cũng như qua cửa nắp có kích thước không nhỏ hơn 0,6 m x 0,8 m; khi đó tại các lối ra này phải được trang bị thang leo; độ dốc của các thang leo này không quy định;

e) Lối ra mái của nhà có bậc chịu lửa I, II và III thuộc cấp S0 và S1 qua cửa sổ, cửa đi hoặc cửa nắp với kích thước và thang leo được quy định như tại mục d)

5. Cánh cửa đi nhà kho phải thiết kế mở ra ngoài hoặc dùng cửa lùa. Cho phép thiết kế cửa nhỏ thoát người có cánh mở ra ngoài nằm trong cánh cửa đi dành cho xe ô tô.

Các cửa đi có cánh mở ra (cửa bản lề) nằm trong các cửa hay cổng có cánh mở kiểu trượt hoặc xếp, cửa cuốn, cửa quay được coi là lối ra thoát nạn.

6. Các cầu thang ngoài kiểu hờ định dùng làm lối thoát nạn dự phòng phải được làm từ vật liệu không cháy và thông với các phòng qua chiếu nghỉ hoặc ban công ở cùng độ cao của lối thoát nạn. Cầu thang trên phải có độ dốc không lớn hơn 45° và chiều rộng không nhỏ hơn 0,7m. Các cửa đi, cửa lối ra cầu thang loại này không được có khóa hay các chốt chèn từ phía ngoài./.

PHỤ LỤC 3**Yêu cầu kỹ thuật đối với các giải pháp khắc phục nội dung không đảm bảo quy định về đường giao thông phục vụ chữa cháy**

(Đính kèm Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Yêu cầu kỹ thuật đối với đường giao thông phục vụ chữa cháy:

- Bố trí các đường cho xe chữa cháy và lối tiếp cận cho lực lượng và phương tiện chữa cháy, kết hợp chung với các đường và lối đi theo công năng của ngôi nhà hoặc bố trí riêng.

- Chiều rộng của mặt đường không được nhỏ hơn 3,50 m cho mỗi làn xe. Chiều cao của khoảng không tính từ mặt đường lên phía trên không được nhỏ hơn 4,25 m với mặt đường phải đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ nơi xây dựng công trình.

- Mặt đường phải đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ nơi xây dựng công trình.

- Đường cắt dùng cho một làn xe không được dài quá 150 m, cuối đường phải có bãi quay xe theo các quy định trong 5.3 QCVN 06:2010/BXD. Nếu dài quá 100 m phải có chỗ tránh xe với kích thước theo quy định ở 5.4 QCVN 06:2010/BXD.

- Có thể tiếp cận tới các nguồn nước chữa cháy của công trình cũng như tới các điểm thuận lợi cho việc chữa cháy, cứu nạn. Khoảng cách từ nơi đỗ xe chữa cháy tới họng tiếp nước vào nhà không được lớn hơn 18 m.

2. Đối với cơ sở thiếu hoặc không có đường giao thông phục vụ chữa cháy theo quy định:

- Khi điều kiện sản xuất không yêu cầu có đường vào thì lối vào cho xe chữa cháy được phép bố trí phần đường rộng 3,5 m cho xe chạy, nền đường được gia cố bằng các vật liệu đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy và đảm bảo thoát nước mặt.

- Khoảng cách từ mép lối vào cho xe chữa cháy đến tường của ngôi nhà phải không lớn hơn 5 m đối với các nhà có chiều cao nhỏ hơn 12 m, không lớn hơn 8 m đối với các nhà có chiều cao trên 12 m đến 28 m và không lớn hơn 10 m đối với các

nhà có chiều cao trên 28 m.

- Trong những trường hợp cần thiết, khoảng cách từ mép đường đến tường ngoài của ngôi nhà và công trình được tăng đến 60m với điều kiện ngôi nhà và công trình này có các đường cụt vào, kèm theo bãi quay xe chữa cháy và bố trí các trụ nước chữa cháy. Trong trường hợp đó, khoảng cách từ nhà và công trình đến bãi quay xe chữa cháy phải không nhỏ hơn 5m và không lớn hơn 15m và khoảng cách giữa các đường cụt không được vượt quá 100m./.

PHỤ LỤC 4**Yêu cầu kỹ thuật đối với các giải pháp khắc phục nội dung không đảm bảo quy định về các hệ thống phòng cháy và chữa cháy**

(Đính kèm Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Các cơ sở thiết kế và trang bị hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Tiêu chuẩn TCVN 3890:2009 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí kiểm tra, bảo dưỡng, gồm:

1. Hệ thống báo cháy tự động: hệ thống tự động phát hiện và thông báo địa điểm cháy. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5738:2001 Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật

2. Hệ thống họng nước cháy vách tường (hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà): là hệ thống được thiết kế để cấp nước trực tiếp tới các nơi dùng nước để chữa cháy. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 2622 : 1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế, TCVN 5760 : 1993 hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

Khi bể nước của công trình không thể đảm bảo khối tích theo quy định, thực hiện giải pháp bổ sung lượng nước chữa cháy vào bể nước của công trình từ các nguồn cung cấp như sau:

- Từ nguồn nước thủy cục.
- Từ nguồn nước khu chế xuất, khu công nghiệp.
- Kết nối bể nước giữa các công trình lân cận.

3. Hệ thống chữa cháy tự động: hệ thống chữa cháy được điều khiển tự động khi xảy ra cháy. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 7336 : 2003 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống sprinkler tự động - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt, TCVN 2622 : 1995, TCVN 7161: 2002 hệ thống chữa cháy bằng khí - phần 1: yêu cầu chung, phần 9: chất chữa cháy HFC-227ea, phần 13: chất chữa cháy IG-100.

4. Hệ thống chống sét: toàn bộ hệ thống dây dẫn được sử dụng để bảo vệ một công trình khỏi tác động của sét đánh. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 9385 : 2012 Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

5. Hệ thống thông gió phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5687 : 2010 Thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế; bảo vệ chống khói cho nhà và công trình phải đảm bảo quy định của phụ lục D Quy chuẩn QCVN 06:2010/BXD./.